

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2020/HS-PT

Ngày 25/12/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Tuấn

Bà Vũ Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 151/2020/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Quý M, do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị hại đối với bản án sơ thẩm số 47/2020/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Quý M, sinh năm 1989 tại xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Quý N và bà Nguyễn Thị A; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3; có vợ là Nguyễn Thị L và 02 con: con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 28/6/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đặng Thị Kim D – Luật sư Công ty luật LK, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: Số 2 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. (Có mặt)

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1981; địa chỉ: đội 10 phường H, thị xã M, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại có kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: đội 10 phường H, thị xã M, tỉnh Hải Dương - vợ bị hại. (Có mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H: Bà Nguyễn Thị C,

sinh năm 1971; địa chỉ: tỉnh Quảng Ninh. (Có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Ông Nguyễn Mạnh H – Luật sư Văn phòng luật sư M, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Tòa nhà văn phòng số 25 Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Vũ Đình L, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1988; địa chỉ: Đội 1, thôn N, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng.

3. Ông Nguyễn Quý N, sinh năm 1960 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương.

4. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số nhà 13 phố V, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

5. Anh Bùi Đình T, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu T, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

6. Anh Vũ Văn N, sinh năm 1990; ông Trần Vũ T, sinh năm 1961.

7. Anh Lê Tiến D, sinh năm 1985; ông Lê Văn Y, sinh năm 1957.

Đều trú tại: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương.

8. Anh Lê Văn C, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện K, Hải Dương.

(Anh Vũ Đình L và ông Nguyễn Quý N có mặt, những người làm chứng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 28/01/2019, Nguyễn Quý M (*có giấy phép lái xe hạng A1 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Hải Dương cấp ngày 03/3/2018*) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển số 34N3-3126 hành trình hướng Hà Nội đi Hải Phòng trên đường Quốc lộ 5 ở thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương về nhà ở Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương. Khi đến đoạn Km63+900 thuộc địa phận thôn L, xã C, huyện K, đèn pha chiếu sáng phía trước của xe M chập chờn lúc sáng, lúc tắt. Phía trước ở trên làn đường xe ô tô và mô tô có anh Nguyễn Văn L đang ngồi sát với vạch sơn trắng liền mạch ngăn cách với làn đường dành cho xe mô tô, xe máy và thô sơ trong tư thế ngồi bệt, mặt quay sang bên phải đường chéo hướng Hà Nội, cúi xuống mặt đường, lưng hướng bên trái đường, chân co. Lúc này, M điều khiển xe đi bên phải làn đường ô tô, mô tô do thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ, khi đến cách anh L khoảng 2-3m thì M mới phát hiện thấy anh L. M đánh lái sang làn đường xe mô tô, xe máy và thô sơ để tránh nhưng không kịp, phần mặt lấn bánh lốp xe, ổ khóa càng lấp ở giảm sóc trước bên trái và bên trái xe mô tô đâm va vào chân, đầu trán và người anh L,

làm anh L ngã nằm úp sấp hơi nghiêng phải trên mặt đường. Sau va chạm, anh L bị thương; M bị ngã theo xe, bị bầm tím, xây xước da và bị rơi 01 chiếc giày da màu đen bên phải tại lề đường bên phải. M đứng dậy đi bộ về hướng Hà Nội tìm chiếc giày nhưng không thấy, M phát hiện anh L nằm sấp trong tư thế trên ngẩng đầu lên và gục xuống mặt đường bất tỉnh. Lúc này, M quay lại vị trí xe mô tô dựng xe lên rồi điều khiển xe rời khỏi hiện trường đi về nhà.

Khi về nhà, M thay quần áo và nhờ vợ là chị Nguyễn Thị L và bạn là anh Vũ Đình L đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện K để sơ cứu, rửa vết thương rồi về nhà. Trên đường về, M đi qua vị trí xảy ra tai nạn thấy cơ quan chức năng có mặt tại hiện trường, M về nhà ngủ, M không nói cho ai biết việc M gây tai nạn và không trình báo cơ quan chức năng. Đến ngày 29/01/2019, M được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K mời đến làm việc, M đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên và giao nộp xe mô tô biển kiểm soát 34N3-3126.

Sau tai nạn, anh L được người dân đi đường phát hiện và báo lực lượng Công an đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương, sau đó chuyển điều trị tại Bệnh viện Việt Đức và Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội.

Tại Bệnh án Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương, Bệnh án ngoại của Bệnh viện Việt Đức và Bệnh án của Bệnh viện Bạch Mai chẩn đoán anh L bị vết thương sọ não, vỡ lún xương trán, giáp não trán, vết thương bàn tay phải, điều trị phẫu thuật tại Bệnh viện Việt Đức, điều trị liệt 2 nửa người/ chấn thương sọ não đã phẫu thuật tại Bệnh viện Bạch Mai.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 118/19/TgT ngày 21/6/2019, Viện pháp y Quốc gia kết luận: Hình ảnh tổn thương cũ đọng dập nhu mô não thùy trán hai bên, thùy thái dương phải, thoái hóa chất trắng quanh não thất hai bên, thoát vị não qua cửa sổ xương trán, giãn não thất. Hiện tại rối loạn ý thức, liệt cứng tứ chi, rối loạn cơ tròn mức độ nặng, phải cho ăn qua Sonde dạ dày: 93%; Khuyết xương trán kích thước: 115x57x68mm: 31%; Các sẹo phẫu thuật vùng đầu, sẹo mở khí quản: 10%; Gãy cũ đốt 1 ngón II: 2%; Gãy cũ đốt 2 ngón II, III: 2%; Cứng khớp liên đốt 2,3 ngón II, III, liên đốt 1,2 ngón V: 3%; Vết thương trước trong gò trái: 2%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là **96%**. Cơ chế hình thành thương tích: Vết thương ở trán là tác động tương hỗ với vật tày cứng có diện giới hạn với lực mạnh gây nên; Vết thương ở tay do tác động với vật tày cứng, không có dấu hiệu lê quệt, mài mòn; Vết thương ở gò trái là do tác động với vật tày cứng diện nhỏ đường kính khoảng 3cm, có một phần hình tròn gây nên.

Tại bản án sơ thẩm số 47/2020/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện K căn cứ điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Quý M 36 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, thời hạn tù tính từ ngày bắt

tạm giam 28/6/2019. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

ien i xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 9 năm 2020, bị cáo Nguyễn Quý M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 25 tháng 9 năm 2020, người đại diện hợp pháp của bị hại là chị Nguyễn Thị H kháng cáo hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xác minh làm rõ người gây thương tích 96% cho anh Nguyễn Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo M trình bày giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bổ sung kháng cáo xin giảm mức bồi thường. Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, đề nghị HĐXX miễn án phí cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS, giảm nhẹ cho bị cáo xuống khung hình phạt thấp hơn. Đối với yêu cầu của đại diện bị hại về việc bồi thường cho người chăm sóc cho bị hại 7.000.000đ/tháng thì đề nghị HĐXX căn cứ vào mức tiền công trung bình của người chăm sóc người tàn tật tại địa phương để quyết định. Ngoài ra đề nghị HĐXX xác minh thêm bệnh lý nền của bị hại trước khi tai nạn để đánh giá mức bồi thường phù hợp.

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại là chị Nguyễn Thị H, người đại diện là bà Nguyễn Thị C giữ nguyên kháng cáo hủy bản án sơ thẩm, yêu cầu bị cáo bồi thường cho người chăm sóc cho bị hại với mức 7.000.000đ/tháng như hiện nay gia đình đang thuê người chăm sóc cho anh L và yêu cầu bồi thường tiếp chi phí chữa trị cho bị hại phát sinh từ sau phiên tòa sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày căn cứ đề nghị hủy bản án sơ thẩm như sau: Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng của ông N, chị L (bố và vợ bị cáo) vì 02 người này không chứng kiến sự việc mà phải xác định là người có quyền lợi liên quan. Thứ hai, hồ sơ vụ án thể hiện có thu thập được chiếc giày của bị cáo tại hiện trường nhưng nay không biết chiếc giày này ở đâu và xử lý như thế nào. Thứ ba, tại phiên tòa sơ thẩm có triệu tập điều tra viên và giám định viên nhưng bản án sơ thẩm không ghi nhận về việc này và phần trình bày của điều tra viên, giám định viên không được đánh giá trong bản án. Thứ tư, Cơ quan điều tra không làm rõ được toàn diện, đầy đủ nội dung vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai bị hại ngồi nhìn về phía cạnh đường, bị cáo va chạm với bị hại theo hướng từ phải sang trái nhưng giám định viên giải thích thương tích ở trán của bị hại do vật tày đập thẳng vào gây vết nứt hai bên. Cơ quan điều tra không làm rõ được khoảng thời gian từ khi bị hại rời khỏi nhà anh N đến khi tai nạn xảy ra bị hại đi đâu, làm gì nhưng lại kết luận bị hại ngồi ở trên đường và bị hại có lỗi. Thứ năm, bản án sơ thẩm ghi sai địa chỉ của bị hại và người đại diện bị hại nhưng đây là lỗi nhỏ, đề nghị HĐXX sửa cho chính xác.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương sau khi phân tích các tình tiết trong hồ sơ vụ án, xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Quý M tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo điểm c khoản 2 Điều 260 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy: Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo M 36 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp trước án phí sơ thẩm, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật nhưng thấy rằng mức hình phạt như cấp sơ thẩm là đã tương xứng với hành vi của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Đối với kháng cáo của bị hại thì thấy rằng: Cấp sơ thẩm xác định tư cách tổ tụng của ông N và chị L là đúng; chiếc giày của bị cáo không liên quan đến vụ án; trong hồ sơ đã có kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu khác nên không cần ghi nhận, đánh giá về nội dung của điều tra viên, giám định viên tại phiên tòa; cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh bị hại đi đâu từ khi rời nhà anh N đến khi xảy ra tai nạn nhưng không có cơ sở xác định cụ thể. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thì xác định bị cáo là người gây tai nạn cho bị hại, tổn hại sức khỏe 96%, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại. Do đó đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLHS, giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo. Đối với yêu cầu của đại diện bị hại về bồi thường cho người chăm sóc cho bị hại thì đề nghị HĐXX căn cứ vào mức trung bình của địa phương để quyết định. Bị cáo thuộc hộ nghèo/cận nghèo, có đề nghị miễn án phí nên đề nghị HĐXX miễn án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của người đại diện hợp pháp cho bị hại:

Tại giai đoạn điều tra, phiên tòa sơ thẩm đến nay tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M khai nhận bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 34N3-3126 trên quốc lộ 5 có va chạm với anh L khi đó đang ngồi bệt ở ven đường. Tại biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông (BL 51) thể hiện mặt trước phía dưới cánh yếm chắn gió bên trái xe, bên trái mặt lẫn lớp bánh trước và bên trái mặt lẫn lớp bánh sau xe có dấu vết trượt mất bụi đất. Các dấu vết này đã được giám định và kết luận là phù hợp với dấu vết trên áo, giày của bị hại (BL 70-71). Các sợi màu đen (dạng tóc) và tổ chức cơ thể người thu ở mặt trước và mặt trên khóa càng lắp ở gương xóc trước bên trái xe mô tô của bị cáo đã

được giám định và kết luận là của bị hại (BL 72-73). Theo kết luận giám định thương tích (BL 79-81) thì các vết thương ở trán, tay, gối trái của bị hại do tác động với vật tày cứng, tỷ lệ tổn thương cơ thể 96%. Do đó có cơ sở xác định phần khóa còng xe máy của bị cáo va chạm với phần trán của bị hại.

Những người cùng ăn tối với bị hại tại nhà anh N đều khai rằng trong quá trình ăn tối, bị hại không có mâu thuẫn, xích mích với ai; có uống rượu nhưng không biết cụ thể uống bao nhiêu. Theo Phiếu xét nghiệm của Bệnh viện Việt Đức thể hiện nồng độ cồn (Ethanol) trong máu bị hại tại thời điểm 11 giờ 38 phút ngày 29/01/2019 (16 giờ sau khi ăn cơm ở nhà anh N) vẫn còn là 46.3 mg/dl nên có cơ sở xác định trước thời điểm xảy ra tai nạn bị hại có sử dụng rượu. Những người dân sống gần khu vực từ nhà anh N đến hiện trường vụ án cung cấp khoảng thời gian từ 22 giờ đến 23 giờ ngày 28/01/2019 đều không thấy có mâu thuẫn, đánh nhau, không nghe thấy tiếng hò hét gần nhà. Có người dân nhìn thấy 01 người đàn ông đi bộ xiêu vẹo trên đường và camera gần hiện trường ghi lại hình ảnh 01 người đàn ông đi bộ ở làn đường dành cho xe thô sơ nhưng đều không rõ đặc điểm nhận dạng. Bản thân bị cáo M và anh Vũ Đình L (người làm chứng đi qua nhìn thấy anh L ngồi bật ở bên đường trước khi xảy ra tai nạn) đều xác định thời điểm đi qua thấy anh L ngồi một mình, không thấy va chạm với người hay phương tiện nào khác, không thấy phương tiện gì dừng đỗ gần đó, không thấy máu hay thương tích gì trên người anh L. Tại giai đoạn sơ thẩm người đại diện hợp pháp của bị hại cung cấp nhật ký điện thoại của anh L, thể hiện nhiều cuộc điện thoại gọi đến trong đó có một số cuộc điện thoại của anh T (người cùng bị hại đến nhà anh N ăn tối). Nhật ký điện thoại phù hợp với lời khai của anh T về diễn biến sự việc, thời gian anh T liên lạc với anh L, thể hiện anh T là người liên lạc với anh L gần nhất với thời điểm xảy ra tai nạn. Anh T khai rằng qua các lần liên lạc không nghe thấy âm thanh gì bất thường. Từ những phân tích trên có cơ sở xác định **trước khi bị cáo đâm va vào bị hại, bị hại không bị yếu tố khách quan nào tác động.**

Bản thân bị cáo M và bị hại, bị hại được người tham gia giao thông qua vị trí tai nạn phát hiện và báo công an. Bị cáo M đã mô tả lại tư thế của bị hại sau khi bị cáo đâm va vào bị hại và xác nhận đúng với tư thế của bị hại trong hình ảnh do người tham gia giao thông là anh Bùi Đình T chụp lại, không có dấu vết lê quệt, mài mòn. Do đó có cơ sở xác định **sau khi bị cáo đâm va vào bị hại, bị hại không bị yếu tố khách quan nào khác tác động.**

Tại phiên tòa sơ thẩm, giám định viên giải thích cơ quan giám định đánh giá tổn thương ở trán của bị hại là do 01 pha va chạm. Bị cáo M xác định xe mô tô của bị cáo không va chạm với phương tiện hay người nào trước và sau khi đâm va vào anh L. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người làm chứng, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, biên bản kiểm tra dấu vết quần áo bị cáo, biên bản nghiên cứu dấu vết ở xe mô

tô, quần áo nạn nhân, kết luận giám định, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và từ những phân tích trên, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 28/01/2019, tại Km63+900 Quốc lộ 5 thuộc địa phận thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Quý M (có giấy phép lái xe hạng A1) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển số 34N3-3126 hành trình hướng Hà Nội – Hải Phòng trong điều kiện trời tối, phương tiện không đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật; chuyển làn đường không đúng quy định dẫn đến đâm va vào anh Nguyễn Văn L đang ngồi sát với vạch sơn trắng liền mạch ngăn cách với làn đường dành cho xe mô tô, xe máy và thô sơ. Hậu quả làm anh L bị thương, tổn hại 96% sức khỏe. Sau khi gây tai nạn, M bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm và không cứu giúp người bị nạn. Hành vi của Nguyễn Quý M đã vi phạm quy định tại khoản 4, 17, 18 Điều 8; khoản 1, 2 Điều 13; khoản 2 Điều 53 Luật giao thông đường bộ. Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Quý M tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét căn cứ đại diện bị hại yêu cầu hủy bản án thì thấy: *Thứ nhất*, ông Nguyễn Quý N (bố bị cáo) có lời khai liên quan đến chiếc xe mô tô bị cáo sử dụng khi đâm va vào bị hại, mặc dù không có văn bản chuyển nhượng nhưng ông N và bị cáo đều xác định ông N đã cho bị cáo xe mô tô này nên ông N không còn quyền lợi liên quan. Chị Nguyễn Thị L (vợ bị cáo) là người đưa bị cáo đi khám những vết thương sau khi bị cáo đâm va vào bị hại. Do đó cấp sơ thẩm xác định ông N và chị L tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người làm chứng là đúng, không có căn cứ xác định hai người này là người có quyền lợi liên quan như quan điểm của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại. *Thứ hai*, đối với chiếc giày bên phải của bị cáo thu giữ được ở hiện trường, không phải vật chứng trong vụ án, trong giai đoạn điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị L – vợ bị cáo (BL 305a) là đúng quy định tại khoản 3 Điều 106 BLTTHS. *Thứ ba*, Điều tra viên, Giám định viên có mặt tại phiên tòa để làm rõ quyết định, hành vi tố tụng trong giai đoạn điều tra và giải thích kết luận giám định, không phải chứng cứ nên không cần nhận định trong nội dung bản án. *Thứ tư*, đối với căn cứ cơ quan điều tra chưa điều tra toàn diện vụ án thì thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm giám định viên giải thích vết thương ở trán của bị hại do vật tày đập thẳng gây vết nứt hai bên nhưng bị cáo khai va chạm với bị hại từ phải qua trái, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng cơ quan điều tra không làm rõ vấn đề này. Tuy nhiên trong các lời khai và bản tự khai, bị cáo và anh Vũ Đình L khai bị hại ngồi quay lưng về phía dải phân cách, mặt quay về phía đường tàu chéo hướng Hà Nội (hướng xã C). Khi đó bị cáo đang đi theo hướng Hà Nội – Hải Phòng nên có cơ sở xác định xe bị cáo đâm va thẳng vào hướng mặt bị hại, phù hợp với giải thích của giám định viên về vết thương trên trán của bị hại. Đối với việc xác định bị hại đi đâu, làm gì từ khi rời

khỏi nhà anh N đến khi xảy ra tai nạn thì cơ quan điều tra đã lấy lời khai những người ăn tối cùng bị hại ở nhà anh N, lấy lời khai những hộ dân gần đoạn đường từ nhà anh N đến vị trí xảy ra tai nạn để xác minh, làm rõ là đã đầy đủ. Việc đại diện bị hại nghi ngờ có người khác gây thương tích cho anh L trước khi bị cáo M đâm va vào anh L chỉ là suy đoán, không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị hại về việc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; sau khi xảy ra tai nạn đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường một phần cho bị hại; bị cáo có thành tích trong công tác, được tặng thưởng giấy khen; có ông nội được tặng thưởng huân huy chương. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xử phạt bị cáo 36 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu mới thể hiện bị cáo thuộc hộ nghèo/cận nghèo nhưng theo quy định đây không phải tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã nộp trước án phí sơ thẩm, thể hiện bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật. Tuy nhiên đánh giá hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo không chấp hành đúng quy định về tham gia giao thông đường bộ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, gây tai nạn và thương tích cho anh L với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 96% (hiện anh L rối loạn ý thức, liệt cứng tứ chi). Do đó cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Hình phạt 36 tháng tù như cấp sơ thẩm đã xét xử là tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt mà cần y án sơ thẩm. Cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhưng không áp dụng Điều 38 BLHS là thiếu, cần bổ sung điều luật này khi quyết định hình phạt.

[3] Về trách nhiệm dân sự : Tại phiên tòa bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm mức bồi thường, người bào chữa cho bị cáo đề nghị xác minh thêm bệnh lý nền của bị hại trước khi tai nạn để đánh giá mức bồi thường phù hợp nhưng nội dung này vượt quá phạm vi kháng cáo của bị cáo nên HĐXX xem xét. Tại cấp phúc thẩm người đại diện của bị hại cung cấp một số tài liệu mới về chi phí chữa bệnh, chăm sóc bị hại phát sinh sau phiên tòa sơ thẩm và yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường nhưng yêu cầu này không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền yêu cầu trong vụ án dân sự khác. Đối với yêu cầu của đại diện bị hại về việc buộc bị cáo phải bồi thường chi phí cho người chăm sóc anh L 7.000.000đ/tháng thì thấy anh L bị tổn hại sức khỏe 96%, hiện rối loạn ý thức, liệt cứng tứ chi, không có khả năng lao động và cần có người chăm sóc nên cần buộc bị cáo phải bồi thường chi phí cho người chăm

sóc bị hại, tính bằng mức tiền công trung bình trả cho người chăm sóc người tàn tật tại địa phương là 500.000đ/tháng kể từ tháng 9/2020 đến khi anh L chết. Cấp sơ thẩm không xem xét khoản tiền này cho người bị hại là sai sót, không đảm bảo quyền lợi của người bị hại, cấp phúc thẩm bổ sung khoản tiền bồi thường cho phù hợp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo thuộc hộ nghèo/cận nghèo và tại phiên tòa bị cáo đề nghị miễn án phí. Xét thấy bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên miễn án phí sơ, phúc thẩm cho bị cáo. Cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chi án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là không đúng, cần sửa phần này của bản án sơ thẩm cho phù hợp với quy định pháp luật, trả lại cho bị cáo tiền án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quý M; chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị hại; sửa bản án sơ thẩm số 47/2020/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương về điều luật áp dụng; trách nhiệm dân sự và án phí.

- Về điều luật: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quý M phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quý M **36 (Ba mươi sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/6/2019.

2. Buộc bị cáo Nguyễn Quý M phải bồi thường chi phí cho người chăm sóc anh Nguyễn Văn L 500.000đ/tháng (*Năm trăm nghìn đồng mỗi tháng*) từ tháng 9/2020 đến khi anh Nguyễn Văn L chết.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm, hình sự phúc thẩm cho bị cáo Nguyễn Quý M. Trả bị cáo Nguyễn Quý M 19.733.000đ (*Mười chín triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm do chị Nguyễn Thị L nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K ngày 04/11/2020 theo biên lai số AA/2011/08144.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 25/12/2020.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện K (2 bản);
- VKSND huyện K;
- CQCSĐT – CA huyện K;
- CQTHAHS – CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Đại diện bị hại; đại diện ủy quyền;
- Người bảo vệ cho bị hại;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Chất